

Số: /TTr-SKHCN

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố, với các nội dung cụ thể như sau:

Sở Khoa học và Công nghệ thành phố kính trình Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết Quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, hoàn thiện cơ chế, chính sách, phát triển nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ.

Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng và phát triển thành phố Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065 có nêu: phát triển mô hình tăng trưởng mới trên cơ sở lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu; đưa thành phố phát triển thành cực tăng trưởng đa chức năng, có vai trò dẫn dắt về công nghiệp hàng không, vũ trụ, công nghiệp, công nghệ cao, logistics, thương mại biên giới, nông nghiệp công nghệ cao, đổi mới sáng tạo gắn với phát huy vị trí trung tâm chiến lược cầu “đô thị sân bay”, kết nối toàn cầu, phát triển ngang tầm với các đô thị sân bay lớn trong khu vực và quốc tế với nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu xây dựng mô hình tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn:

Xác lập mô hình tăng trưởng mới dựa trên phát triển khoa học, công nghệ với nền kinh tri thức, chuyển đổi số, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp. Phát triển vai trò chủ chốt của kinh tế nhà nước trong các lĩnh vực then chốt, chiến lược, thiết yếu; đẩy mạnh phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài với chất lượng và công nghệ cao gắn với tăng cường liên kết với các khu kinh tế trong nước; hình thành và phát triển các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế tư nhân. Thúc đẩy phát triển mạnh kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tầm thấp... và các mô hình kinh tế mới có giá trị tăng cao gắn với kết cấu rêu rộng và chuỗi cung ứng toàn cầu, phù hợp với đặc thù đô thị sân bay và trung tâm logistics quốc gia.

Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để Đồng Nai phát huy vị trí chiến lược, tiên phong đầu tư, xây dựng và vận hành các mô hình hạ tầng công nghệ, thu hút tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới, thúc đẩy phát triển kinh tế số, chuyển đổi số, các ngành công nghệ chiến lược và đổi mới sáng tạo, xây dựng Đồng Nai trở thành một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về phát triển hạ tầng công nghệ, trung tâm dữ liệu, trí tuệ (AI), điện toán đám mây, công nghiệp bán dẫn, lượng tử, công nghiệp sinh học, vật liệu mới, hạ tầng số và đổi mới sáng tạo của quốc gia; hệ sinh thái công nghệ năng lực cạnh tranh khu vực quốc tế.

b) Cơ sở pháp lý

Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 và các văn bản dưới Luật đã tạo cơ sở pháp lý cho việc đổi mới phương thức quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quản lý theo kết quả đầu ra; chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu; thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, theo đó đã xác định mục tiêu đến năm 2030 “*đạt từ 40 - 50 Tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới*”.

Bên cạnh đó, Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 8 năm 2026, trong đó quy định tại điểm a khoản 2 Điều 30 thẩm quyền của Hội đồng nhân dân quy định.

“Điều 30. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2. Hội đồng nhân dân thành phố quy định:

a) Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

Hội đồng nhân dân thành phố có thẩm quyền quy định chi tiết cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên

địa bàn Thành phố, cụ thể:

- Điều a khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 giao Hội đồng nhân dân thành phố quy định:

“Điều 30. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2. Hội đồng nhân dân thành phố quy định:

a) Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

- Điều a khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

“Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa phương.

2. Căn cứ thực tiễn

a) Hiện nay, thành phố Đồng Nai chưa có nội dung quy định về cơ chế hỗ trợ đầu tư, nâng cấp hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở quy mô tổ chức, doanh nghiệp. Như vậy, đây là nội dung chính sách mới, chưa từng được thí điểm hoặc triển khai trước đây tại thành phố.

Trong bối cảnh triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xác định là một trong những động lực then chốt thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững. Thực tiễn phát triển cho thấy Đồng Nai không chỉ là trung tâm công nghiệp của cả nước mà còn là trung tâm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Về thực trạng các tổ chức khoa học và công nghệ, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và nhu cầu phát triển hạ tầng

Hiện nay thành phố có khoảng 04 đơn vị/Trung tâm có hoạt động liên quan đến đổi mới sáng tạo; 04 đơn vị có Bộ phận/phòng/trung tâm đổi mới sáng tạo; Hệ thống cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp (GDNN) trên địa bàn thành phố Đồng Nai hiện bao gồm 05 trường đại học, 05 phân hiệu trường đại học; hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố còn nhỏ lẻ. Tuy nhiên, các tổ chức khoa học và công nghệ của thành phố chủ yếu nhỏ lẻ, còn hạn chế về năng lực hạ tầng nghiên cứu; liên kết viện - trường - doanh nghiệp còn thiếu chặt chẽ trong việc tạo động lực phát triển; Chưa huy động hiệu quả nguồn lực xã hội và khu vực tư nhân.

c) Về kết quả rà soát các văn bản liên quan so với thực trạng

Qua rà soát hệ thống văn bản pháp luật hiện hành ở cấp Trung ương liên quan

đến lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gồm: Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và các Nghị định hướng dẫn thi hành (các Nghị định số 262/2025/NĐ-CP, số 267/2025/NĐ-CP, số 268/2025/NĐ-CP), Luật Chuyển đổi số 148/2025/QH15, Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược, và Quyết định số 1483/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược” cho thấy hệ thống văn bản Trung ương đã xác lập khung định hướng chiến lược, danh mục công nghệ ưu tiên và một Đề án đầu tư ở quy mô quốc gia cho một số ít cơ sở nghiên cứu trọng điểm; tuy nhiên, chưa có văn bản nào của Trung ương quy định cụ thể về tiêu chí, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho việc đầu tư, nâng cấp hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở quy mô của từng tổ chức, doanh nghiệp cụ thể tại địa phương.

Thời gian qua, hệ thống chính sách của Trung ương và thành phố đã bước đầu ban hành nhiều công cụ ưu đãi, tập trung trợ lực cho tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình sản xuất, kinh doanh và vận hành, cụ thể:

- Ưu đãi đầu tư đối với Khu công nghệ số thông qua Nghị định số 354/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ và Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025.

- Chương trình phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030 (Phòng lab dùng chung quốc gia và đào tạo) thông qua Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 21 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đề án phát triển phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia về công nghệ chiến lược thông qua Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hỗ trợ chi phí nghiên cứu, phát triển và sản xuất thử nghiệm sản phẩm vi mạch bán dẫn mới; hỗ trợ chi phí mua sắm máy móc, thiết bị, phần mềm thiết kế chuyên dụng và đổi mới công nghệ theo Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025.

- Mặc dù hệ thống văn bản nêu trên đã phủ rộng nhiều mặt, khoảng trống lớn nhất hiện nay nằm ở khâu hỗ trợ đầu tư hạ tầng nghiên cứu ban đầu - khâu quyết định năng lực chuyển từ ứng dụng công nghệ sang làm chủ công nghệ lõi, cụ thể:

- Các quy định pháp luật chung về đất đai, ngân sách nhà nước và đầu tư công được thiết kế theo mặt bằng chung toàn quốc, thiếu các cơ chế linh hoạt, đặc biệt là cộng đồng doanh nghiệp trong lĩnh vực chuyển đổi số và khoa học, công nghệ.

- Việc hỗ trợ kinh phí đầu tư, nâng cấp hạ tầng vật lý và hạ tầng số phục vụ nghiên cứu thực tế tại tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo vẫn chưa được thể chế hóa đầy đủ bằng một khung chính sách đồng bộ, thống nhất.

Từ thực trạng và kết quả rà soát nêu trên, để khắc phục khoảng trống chính sách và khơi thông điểm nghẽn về hạ tầng nghiên cứu, điểm a khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị đã trao thẩm quyền đặc thù cho Hội đồng nhân dân thành phố trong việc quyết định các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đây là cơ sở pháp lý hoàn toàn mới, mang tính đột phá, có ý nghĩa chiến lược, nhằm kịp thời thể chế hóa các chủ trương lớn của Trung ương và cụ thể hóa quyền hạn được Quốc hội giao tại Luật Phát triển đô thị và tháo gỡ dứt điểm điểm nghẽn về trang thiết bị và cơ sở thử nghiệm, tăng cường liên kết viện - trường - doanh nghiệp, tạo bệ phóng hạ tầng vững chắc để thành phố Đồng Nai bứt phá thành trung tâm đổi mới sáng tạo mang tầm vóc khu vực và quốc tế.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành văn bản

Ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố nhằm khắc phục khoảng trống chính sách và khơi thông điểm nghẽn về hạ tầng nghiên cứu, điểm a khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị đã trao thẩm quyền đặc thù cho Hội đồng nhân dân thành phố trong việc quyết định các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đây là cơ sở pháp lý hoàn toàn mới, mang tính đột phá, có ý nghĩa chiến lược, nhằm kịp thời thể chế hóa các chủ trương lớn của Trung ương và cụ thể hóa quyền hạn được Quốc hội giao tại Luật Phát triển đô thị và tháo gỡ dứt điểm điểm nghẽn về trang thiết bị và cơ sở thử nghiệm, tăng cường liên kết viện - trường - doanh nghiệp, tạo bệ phóng hạ tầng vững chắc để thành phố Đồng Nai bứt phá thành trung tâm đổi mới sáng tạo mang tầm vóc khu vực và quốc tế.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

- Nghị quyết được xây dựng theo hướng phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị và quy định pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Việc xây dựng Nghị quyết bảo đảm các quan điểm sau:

- Cụ thể hóa cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được giao cho thành phố theo Luật Phát triển đô thị; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải; ưu tiên hạ tầng thuộc lĩnh vực công nghệ chiến lược và các chủ thể có khả năng tạo tác động lan tỏa trong Hệ thống đổi mới sáng tạo của thành phố; quản lý kinh phí gắn với mục tiêu, nội dung, dự toán và kết quả đầu ra được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trách nhiệm giải trình và nguyên tắc chấp nhận rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định pháp luật.

- Khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp tự bảo đảm một phần kinh phí đầu tư, tránh bao cấp toàn bộ, thông qua cơ chế mức trần hỗ trợ không vượt quá tỷ lệ nhất định trên tổng mức đầu tư dự án.

- Bảo đảm cơ chế hỗ trợ công khai, minh bạch, khả thi, đúng đối tượng, không hỗ trợ trùng lặp với các chương trình, chính sách hỗ trợ khác của Trung ương và thành phố.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Ngày 11 tháng 9 năm 2026, Hội đồng nhân dân thành phố đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-TTHĐND về phê duyệt danh mục Nghị quyết quy định pháp luật dự kiến ban hành triển khai Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16, trong đó có tên dự kiến “Nghị quyết quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đồng Nai”.

2. Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan Trung ương (Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính; Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội), các sở, ban, ngành thành phố, các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp; Ban chỉ đạo phát triển Khoa học công nghệ, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số đối với dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân Quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

3. Sở Khoa học và Công nghệ đã nhận được ý kiến góp ý của các Sở, ban ngành, tổ chức có liên quan để hoàn thiện hồ sơ dự thảo theo ý kiến góp ý và thực hiện tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý (đính kèm Bảng giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định 02 nhóm chính sách: (i) hỗ trợ phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (ii) hỗ trợ hệ thống đổi mới sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo đã được công nhận theo quy định của pháp luật; đồng thời quy định tiêu chí, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ.

1.2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo xây dựng, nâng cấp hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố bao gồm:

+ Tổ chức khoa học và công nghệ.

+ Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ số và các loại hình doanh nghiệp khác có hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo đã được công nhận theo quy định của pháp luật.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Bố cục Nghị quyết gồm 04 Chương và 15 Điều, cụ thể:

- Chương I: Quy định chung

+ Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

+ Điều 2. Đối tượng áp dụng.

+ Điều 3. Nguyên tắc thực hiện hỗ trợ.

- Chương II: Cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

+ Điều 4. Danh mục hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

+ Điều 5. Tiêu chí thực hiện hỗ trợ xây dựng, nâng cấp hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

+ Điều 6. Nội dung hỗ trợ xây dựng, nâng cấp hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

+ Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ

- Chương III: Cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển trung tâm ĐMST, trung tâm hỗ trợ.

+ Điều 8. Nội dung và mức hỗ trợ phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

+ Điều 9. Tiêu chí đối với chủ thể đề nghị hỗ trợ.

+ Điều 10. Hồ sơ trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ.

+ Điều 11. Thời gian thực hiện hỗ trợ và đánh giá kết quả.

+ Điều 12. Việc xác định và sử dụng kinh phí hỗ trợ.

- Chương IV: Kinh phí và tổ chức thực hiện

+ Điều 13. Kinh phí thực hiện.

+ Điều 14. Tổ chức thực hiện.

+ Điều 15. Hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản

Dự thảo Nghị quyết tập trung vào các cơ chế đột phá nhằm cụ thể hóa thẩm quyền được phân cấp tại điểm a khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị, thể hiện

qua 03 nhóm nội dung trọng tâm, tương ứng với 03 Chương của dự thảo:

Chương I: Quy định chung (gồm Điều 1, Điều 2 và Điều 3): Quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các nguyên tắc hỗ trợ. Đối với chính sách phát triển Trung tâm, dự thảo xác định rõ: hỗ trợ phải đúng đối tượng, đúng nội dung, không trùng lặp; việc đánh giá, nghiệm thu từng nội dung hỗ trợ căn cứ mục tiêu, sản phẩm và kết quả đầu ra được phê duyệt; kết quả khai thác và tác động đối với hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo được theo dõi để đánh giá hiệu quả chính sách nhưng không phải là điều kiện bắt buộc để nghiệm thu từng nội dung hỗ trợ; việc hỗ trợ không làm phát sinh việc công nhận hoặc thay thế thủ tục công nhận Trung tâm theo quy định pháp luật.

Chương II: Cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng và mạng lưới các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo (từ Điều 4 đến Điều 7): Đây là chương trọng tâm của Nghị quyết, quy định danh mục, tiêu chí, điều kiện và các nội dung hỗ trợ cụ thể:

- Về Danh mục hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Điều 4): Xác định rõ 02 nhóm hạ tầng làm căn cứ áp dụng chính sách: Nhóm 1 là hạ tầng vật lý (gồm không gian làm việc, kết nối, trình diễn sản phẩm; phòng thí nghiệm, cơ sở nghiên cứu, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, chứng nhận công nghệ, xưởng chế tạo mẫu prototype; máy móc, phương tiện kỹ thuật chuyên dụng phục vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược); Nhóm 2 là hạ tầng số, hệ thống số (gồm trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, hạ tầng truyền dẫn kết nối máy tới máy; nền tảng số, dữ liệu số, phần mềm chuyên dụng, thuật toán, mô hình xử lý và thiết bị vận hành quy trình số, bao gồm cả hệ thống điều hành thời gian thực).

- Về Tiêu chí thực hiện hỗ trợ hạ tầng (Điều 5): Quy định tiêu chí đối với dự án (đặt tại Thành phố, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của thành phố và có cam kết duy trì vận hành đúng mục đích tối thiểu 05 năm đối với cả hạ tầng vật lý và hạ tầng số); tiêu chí đối với tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ (có tư cách pháp lý và phát sinh nghĩa vụ thuế tại thành phố, có năng lực vận hành, không nợ thuế, không nợ bảo hiểm xã hội, có bộ phận R&D với tối thiểu 10 nhân sự trình độ đại học trở lên hoặc tối thiểu 03 nhân sự đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa). Riêng đối với doanh nghiệp, phải đáp ứng tiêu chí tài chính về nghiên cứu và phát triển: có tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt tối thiểu 2% doanh thu thuần bình quân trong 03 năm tài chính liền kề hoặc từ 200 tỷ đồng/năm trở lên.

- Về Chính sách hỗ trợ xây dựng, nâng cấp hạ tầng có đối ứng và cơ chế quản trị rủi ro (Điều 6): Hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách thành phố cho các dự án xây dựng, nâng cấp hạ tầng: Mức trần tối đa 25 tỷ đồng/tổ chức, doanh nghiệp đối với hạ tầng thuộc Danh mục công nghệ chiến lược (cả Nhóm 1 và Nhóm 2); tối đa 05 tỷ đồng/tổ chức, doanh nghiệp đối với hạ tầng vật lý Nhóm 1 thông thường; và tối đa 03 tỷ đồng/tổ chức, doanh nghiệp đối với hạ tầng số Nhóm 2. Mức hỗ trợ của Nhà nước không chế tối đa không vượt quá tỷ lệ 50% tổng mức kinh phí của toàn bộ dự án, phần còn lại do tổ chức, doanh nghiệp tự bảo đảm. Đồng thời, thiết

lập cơ chế bảo lãnh ngân hàng bắt buộc: trước khi nhận kinh phí hỗ trợ ở từng đợt, tổ chức, doanh nghiệp phải nộp bảo lãnh ngân hàng tương ứng với số kinh phí được cấp để bảo đảm thu hồi kinh phí nếu nhiệm vụ dừng hoặc không thành công do lỗi chủ quan; trường hợp do nguyên nhân khách quan hoặc rủi ro khoa học công nghệ thì xem xét xử lý theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ (Điều 7): Hồ sơ phải thể hiện rõ đối tượng, hiện trạng năng lực, giai đoạn và lộ trình phát triển, nội dung đề nghị hỗ trợ, sản phẩm, kết quả đầu ra, thời gian và dự toán. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ được áp dụng theo trình tự, thủ tục quản lý, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định pháp luật để sử dụng quy trình tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, theo dõi và nghiệm thu đã có; việc dẫn chiếu này chỉ nhằm xác định trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ, không làm thay đổi bản chất của chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết thành nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chương III: Cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo (Điều 8 đến Điều 12): thiết kế một cơ chế hỗ trợ riêng cho các Trung tâm đã được công nhận, gắn nội dung và mức hỗ trợ với mục tiêu phát triển của từng Trung tâm.

- Điều 8 quy định 06 nội dung hỗ trợ với mức trần cơ sở: hạ tầng, trang thiết bị tối đa 100 tỷ đồng; vận hành kỹ thuật, thiết bị ban đầu tối đa 10 tỷ đồng; đào tạo nguồn nhân lực tối đa 10 tỷ đồng; tư vấn và xác lập, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tối đa 10 tỷ đồng; thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu và phát triển tối đa 05 tỷ đồng; hợp tác quốc tế tối đa 10 tỷ đồng. Mức trần được áp dụng theo 03 nhóm: tối đa 100% đối với Trung tâm có đề án phát triển hướng đến tầm cỡ quốc tế phù hợp với kế hoạch, chương trình, đề án của Thành phố; tối đa 70% đối với Trung tâm cấp tỉnh phát triển hướng đến cấp quốc gia; tối đa 50% đối với Trung tâm phát triển hướng đến được công nhận cấp tỉnh.

- Điều 9 quy định tiêu chí đối với chủ thể đề nghị hỗ trợ: thuộc đối tượng Trung tâm đã được công nhận; có trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn thành phố, phát sinh nghĩa vụ kê khai và nộp thuế tại thành phố; có năng lực tổ chức thực hiện, quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản và duy trì kết quả hỗ trợ; không thuộc trường hợp bị hạn chế nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

- Điều 10 quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ. Trình tự xét duyệt, thẩm định, phê duyệt, ký kết hợp đồng, cấp kinh phí, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, thanh lý và xử lý kết quả được áp dụng theo trình tự, thủ tục quản lý, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo. Sở Khoa học và Công nghệ thông tin chính sách đến Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố để thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ.

- Điều 11 và Điều 12 quy định thời gian thực hiện, đánh giá kết quả và nguyên tắc sử dụng kinh phí. Kinh phí hỗ trợ không bắt buộc đối ứng; Trung tâm có thể được xem xét một hoặc nhiều nội dung phù hợp với mục tiêu, lộ trình phát triển. Trường hợp kết quả được đánh giá ở mức “Không đạt”, Quỹ xử lý theo hợp đồng và quy định pháp luật về quản lý, thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, bao

gồm việc xác định kinh phí phải hoàn trả hoặc hạ tầng, trang thiết bị cần thu hồi, chuyển giao, xử lý theo quy định.

Chương IV: Kinh phí và tổ chức thực hiện (từ Điều 13 đến Điều 15)

Quy định nguồn kinh phí thực hiện nội dung hỗ trợ tại Nghị quyết được phân bổ từ nguồn ngân sách Thành phố chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cấp về Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố để thực hiện hoạt động, nội dung chi hỗ trợ theo Nghị quyết này (Điều 13). Về tổ chức thực hiện, phân công trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, hiệu quả; cập nhật, công bố thông tin về tình hình thực hiện chính sách, hiệu quả đầu tư và khai thác hạ tầng; định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về kết quả thực hiện, đánh giá hiệu quả và kiến nghị điều chỉnh khi cần thiết (khoản 1 Điều 14). Đồng thời, xác định trách nhiệm giám sát chặt chẽ của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, cùng sự tham gia giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên theo quy định pháp luật (khoản 2, khoản 3 Điều 14). Về hiệu lực thi hành, Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026 (Điều 15)

4. Đề xuất hỗ trợ

a) Đề xuất mức hỗ trợ

- Đối với hạ tầng thuộc lĩnh vực Danh mục công nghệ chiến lược: Đề xuất mức hỗ trợ tối đa 25 tỷ đồng/tổ chức, doanh nghiệp, không vượt quá 50% tổng mức kinh phí dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Cơ sở đề xuất: tham khảo chính sách tương tự của nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND thành phố Hà Nội (100% chi phí đầu tư); Nghị quyết của thành phố (mức đầu tư tương tự dự thảo Nghị quyết của Đồng Nai). Do đó, tỷ lệ mức hỗ trợ trần đề xuất sử dụng tại Nghị quyết là 50%.

- Đối với hạ tầng thuộc các lĩnh vực còn lại: Đề xuất mức hỗ trợ tối đa 5 tỷ đồng đối với hạ tầng thuộc Nhóm 1 (hạ tầng vật lý) và 3 tỷ đồng đối với hạ tầng thuộc Nhóm 2 (hạ tầng số), áp dụng mức trần riêng cho từng nhóm hạ tầng do tính chất đầu tư khác nhau.

Cơ sở đề xuất: tham khảo chính sách tương tự của nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND thành phố Hà Nội (tối đa 50% chi phí đầu tư mới/nâng cấp trung tâm R&D công lập, phòng thí nghiệm, cơ sở ươm tạo; tối đa 30% chi phí đầu tư mới/nâng cấp phòng thí nghiệm (khối tư thực, ngoài công lập); Nghị quyết của thành phố (mức đầu tư tương tự dự thảo Nghị quyết của Đồng Nai). Do đó đề xuất sử dụng ngưỡng tương tự cho Nghị quyết đối với hỗ trợ nhóm 1.

- Đối với nội dung hỗ trợ phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

Cơ sở đề xuất: 06 nhóm nội dung hỗ trợ tại Điều 8 bám trực tiếp các cấu phần phát triển Trung tâm và mạng lưới đã được xác định tại Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 13/5/2026 về việc hình thành và phát triển Mạng lưới Đổi mới sáng

tạo thành phố Đồng Nai (*Mạng lưới đổi mới sáng tạo toàn thành phố với Khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành để định hình Trung tâm (Hub) đổi mới sáng tạo cấp vùng*); Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 07/5/2026 (*Đề án Trung tâm đổi mới sáng tạo vùng Đông Nam Bộ sắp ban hành; Đề án chuyển đổi công nghiệp sang công nghệ cao sắp ban hành*). Chỉ thị và Đề án cho thấy để một Trung tâm thực hiện được vai trò hạt nhân của mạng lưới thì không chỉ cần cơ sở vật chất mà phải đồng thời có năng lực vận hành, nhân lực, sở hữu trí tuệ, năng lực thương mại hóa và kết nối quốc tế. Vì vậy, mức hỗ trợ được thiết kế theo từng cấu phần, trong đó hạ tầng có mức trần cao nhất do có cường độ vốn lớn; các cấu phần còn lại là nguồn lực bổ trợ để hạ tầng và mô hình Trung tâm thực sự vận hành và tạo kết quả.

+ Hỗ trợ hạ tầng, trang thiết bị nghiên cứu, thiết bị thử nghiệm và trang thiết bị phục vụ vận hành: tối đa 100 tỷ đồng/Trung tâm. Đây là cấu phần có nhu cầu vốn lớn nhất, phục vụ hình thành hoặc nâng cấp phòng thí nghiệm, khu thử nghiệm, hạ tầng tính toán, máy móc và trang thiết bị dùng chung. Mức trần cao hơn hỗ trợ hạ tầng cho một tổ chức, doanh nghiệp tại Điều 6 vì hạ tầng của Trung tâm được thiết kế để phục vụ nhiều chủ thể trong hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, không chỉ phục vụ hoạt động nội bộ của một đơn vị.

+ Hỗ trợ vận hành kỹ thuật, thiết bị ban đầu: tối đa 10 tỷ đồng/Trung tâm. Khoản hỗ trợ nhằm bảo đảm hạ tầng, thiết bị sau đầu tư được đưa vào khai thác thực tế thông qua tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, chuyên gia vận hành ban đầu và quản trị; hạn chế tình trạng có hạ tầng nhưng thiếu năng lực tổ chức vận hành.

+ Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực: tối đa 10 tỷ đồng/Trung tâm. Khoản hỗ trợ tập trung vào đào tạo chuyên sâu, tiếp nhận chuyển giao công nghệ, mời chuyên gia và cử nhân sự đào tạo trong, ngoài nước nhằm tạo đội ngũ đủ năng lực vận hành hạ tầng, cung cấp dịch vụ và triển khai các hoạt động đổi mới sáng tạo theo chức năng của Trung tâm.

+ Hỗ trợ tư vấn và chi phí xác lập, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước: tối đa 10 tỷ đồng/Trung tâm. Mức trần được xác định cho nhu cầu hỗ trợ danh mục kết quả nghiên cứu, công nghệ, sản phẩm và dự án gắn với hoạt động của Trung tâm, có thể phát sinh tại nhiều thị trường; không phải mức hỗ trợ cho một đơn hoặc một đối tượng sở hữu trí tuệ riêng lẻ.

+ Hỗ trợ hoạt động thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu và phát triển: tối đa 05 tỷ đồng/Trung tâm. Đây là cấu phần hỗ trợ có phạm vi tập trung hơn, gắn với các hoạt động đưa kết quả nghiên cứu, công nghệ và sản phẩm ra thị trường; vì vậy mức trần thấp hơn nhóm hạ tầng và các cấu phần phát triển năng lực nền tảng.

+ Hỗ trợ hợp tác quốc tế: tối đa 10 tỷ đồng/Trung tâm. Khoản hỗ trợ nhằm giúp Trung tâm tham gia mạng lưới quốc tế, triển khai chương trình hợp tác, trao đổi chuyên gia, tham gia hoặc tổ chức hoạt động chuyên môn quốc tế, từ đó tăng khả năng tiếp cận công nghệ, đối tác, thị trường và nguồn lực quốc tế theo định hướng phát triển của thành phố.

Các mức nêu trên là mức trần để xem xét hỗ trợ. Mức hỗ trợ cụ thể được xác định theo nhóm đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 8, hồ sơ thuyết minh, nội

dung, sản phẩm, kết quả đầu ra, dự toán được thẩm định và khả năng cân đối ngân sách. Do đó, cùng một nội dung hỗ trợ, mức tối đa áp dụng cho Trung tâm hướng đến tầm cỡ quốc tế, Trung tâm cấp tỉnh hướng đến cấp quốc gia và Trung tâm hướng đến cấp tỉnh là khác nhau theo tỷ lệ 100%, 70% và 50%.

Giá trị của chính sách được tạo ra theo hai cấp độ. Ở cấp Trung tâm, hỗ trợ giúp bổ sung năng lực còn thiếu về hạ tầng, vận hành, nhân lực, sở hữu trí tuệ, thương mại hóa và hợp tác quốc tế. Ở cấp hệ thống, việc nâng cao năng lực các Trung tâm giúp tăng khả năng cung cấp hạ tầng dùng chung, hỗ trợ doanh nghiệp và dự án khởi nghiệp sáng tạo, kết nối viện - trường - doanh nghiệp, chuyên gia, nhà đầu tư và đối tác quốc tế.

Hiệu quả thực hiện được đánh giá theo sản phẩm, kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ hỗ trợ đã được phê duyệt theo Điều 11. Đối với hiệu quả chính sách, thành phố theo dõi định kỳ khả năng khai thác hạ tầng, số chủ thể được phục vụ, kết quả hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo, kết nối nghiên cứu - chuyển giao - thương mại hóa, hợp tác quốc tế và khả năng huy động nguồn lực của Trung tâm. Cách đánh giá này bảo đảm từng khoản hỗ trợ có kết quả cụ thể nhưng không yêu cầu một nhiệm vụ riêng lẻ phải chứng minh ngay toàn bộ tác động kinh tế - xã hội của Trung tâm.

Đối với hỗ trợ tại Chương III, không bắt buộc kinh phí đối ứng. Đây là khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ phát triển Trung tâm theo nội dung được phê duyệt, không phải cơ chế cho vay hoặc yêu cầu hoàn trả thông thường. Tuy nhiên, trường hợp kết quả được đánh giá ở mức “Không đạt”, Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Thành phố căn cứ hợp đồng và quy định pháp luật để xác định phần kinh phí phải hoàn trả, phần hạ tầng, trang thiết bị cần thu hồi hoặc phương án chuyển giao, xử lý theo quy định.

b) Đề xuất tỷ lệ hỗ trợ

- Nguyên tắc xác định: Tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được xác định trên cơ sở: (i) tính chất công nghệ chiến lược của hạ tầng; (ii) khả năng thu hút vốn đối ứng từ khu vực tư nhân; (iii) khả năng cân đối ngân sách Thành phố.

- Tỷ lệ cụ thể: Mức hỗ trợ tại điểm c khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị quyết áp dụng thống nhất nguyên tắc không vượt quá 50% tổng mức kinh phí dự án cho cả hạ tầng thuộc và không thuộc Danh mục công nghệ chiến lược; phần kinh phí còn lại do tổ chức, doanh nghiệp tự bảo đảm.

Căn cứ đề xuất: Tỷ lệ 50% phản ánh nguyên tắc đồng đầu tư (vốn môi), phù hợp với thông lệ phổ biến của các chương trình hỗ trợ hạ tầng nghiên cứu, đổi mới sáng tạo quốc tế mà Thành phố tham khảo trong quá trình xây dựng chính sách. Mức này thấp hơn tỷ lệ áp dụng cho nghiên cứu cơ bản/hàn lâm phi lợi nhuận tại một số chương trình quốc tế (ví dụ Horizon Europe áp dụng 100% cho nghiên cứu và đổi mới sáng tạo không vì lợi nhuận - RIA), phản ánh đúng tính chất của đối tượng thụ hưởng chính của Nghị quyết là tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh.

c) Đề xuất thời hạn cam kết duy trì hoạt động hạ tầng sau đầu tư

Cơ sở đề xuất: Thời hạn cam kết duy trì hoạt động đúng mục đích đầu tư được thống nhất áp dụng mức tối thiểu 05 năm cho cả hạ tầng thuộc Nhóm 1 và hạ tầng thuộc Nhóm 2, kể từ ngày hoàn thành và đưa vào vận hành, khai thác, trên cơ sở đối chiếu với khung thời gian trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và yêu cầu quản lý thống nhất, minh bạch trong tổ chức thực hiện chính sách:

Đối với hạ tầng thuộc Nhóm 1 (hạ tầng vật lý: nhà xưởng, phòng thí nghiệm, cơ sở nghiên cứu, thử nghiệm, máy móc, thiết bị chuyên dụng): đây là nhóm tài sản có tính chất xây dựng cơ bản, đầu tư dài hạn, có khung thời gian trích khấu hao dài theo quy định của Bộ Tài chính đối với nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị chuyên dụng. Mức 05 năm bảo đảm hạ tầng được khai thác, phát huy hiệu quả tương xứng với suất đầu tư ban đầu, tránh tình trạng đầu tư xong nhanh chóng chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc thanh lý sớm trong khi ngân sách nhà nước đã hỗ trợ tới 50% giá trị.

Đối với hạ tầng thuộc Nhóm 2 (hạ tầng số, hệ thống số: trung tâm dữ liệu, nền tảng số, phần mềm, thiết bị công nghệ thông tin): mặc dù thiết bị, phần mềm cụ thể có vòng đời kỹ thuật ngắn hơn và khung khấu hao theo quy định của Bộ Tài chính thường ngắn hơn tài sản vật lý, cam kết duy trì hoạt động đúng mục đích đầu tư không đồng nghĩa với việc bắt buộc giữ nguyên trạng thiết bị, phần mềm ban đầu trong suốt thời hạn cam kết; tổ chức, doanh nghiệp vẫn được nâng cấp, thay thế linh kiện, cấu phần kỹ thuật để bảo đảm hạ tầng vận hành hiệu quả, miễn là tiếp tục duy trì chức năng, mục đích đầu tư đã cam kết. Áp dụng thống nhất mức 05 năm cho cả hai nhóm hạ tầng giúp đơn giản hóa việc theo dõi, hậu kiểm, tránh phát sinh cách hiểu, áp dụng khác nhau giữa hai nhóm đối tượng, đồng thời củng cố cam kết dài hạn của tổ chức, doanh nghiệp tương xứng với mức hỗ trợ lên đến 50% tổng mức đầu tư từ ngân sách nhà nước.

Việc áp dụng thống nhất một mức thời hạn cam kết cho cả hai nhóm hạ tầng vừa bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vừa đơn giản hóa công tác quản lý, giám sát và tạo sự nhất quán, minh bạch trong áp dụng chính sách đối với mọi tổ chức, doanh nghiệp thụ hưởng.

d) So sánh với chính sách hiện hành của thành phố

- Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND quy định hỗ trợ tối đa 400 triệu đồng/dự án đối với dự án khởi nghiệp sáng tạo, đây là chính sách hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp, khác bản chất với chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng của Nghị quyết này, không so sánh trực tiếp về quy mô tiền.

Dự thảo Nghị quyết giải quyết bài toán lớn hơn: tài trợ nguồn vốn ban đầu để xây dựng nhà xưởng, phòng thí nghiệm, mua sắm phần mềm kiểm thử chip bán dẫn với trần hỗ trợ lên đến 25 tỷ đồng/dự án (cho hạ tầng nghiên cứu thuộc lĩnh vực công nghệ chiến lược) và 5 tỷ/3 tỷ đồng (cho hạ tầng vật lý/hạ tầng số khác). Quy mô tài chính lớn hơn so với Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND.

Dự thảo Nghị quyết là cơ chế hỗ trợ ngân sách không hoàn lại (vốn môi). Nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí dự án (tối đa 25 tỷ đồng) giúp doanh nghiệp giảm trực tiếp một nửa chi phí đầu tư hạ tầng máy móc ban đầu mà không tạo áp lực nợ gốc ngân hàng.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH BÀN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ ngân sách sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố hằng năm phân đầu bố trí 3% trên tổng chi ngân sách thành phố trong dự toán chi ngân sách cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo dư địa để cân đối kinh phí thực hiện Nghị quyết trong phạm vi dự toán được giao hằng năm.

Về điều kiện nhân lực: để triển khai hiệu quả Nghị quyết, cần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tăng cường chuyên gia đánh giá công nghệ, thẩm định tài chính dự án đầu tư hạ tầng; xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn, phản biện độc lập với sự tham gia của viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp để hỗ trợ công tác xét duyệt hồ sơ theo Điều 7, Điều 10 dự thảo Nghị quyết.

Về điều kiện hạ tầng quản lý: thành phố cần hoàn thiện hệ thống theo dõi, quản lý trực tuyến quá trình tiếp nhận hồ sơ, giải ngân theo tiến độ và giám sát việc sử dụng kinh phí hỗ trợ, làm cơ sở để cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố đối chiếu dữ liệu, phát hiện, ngăn ngừa hỗ trợ trùng lặp theo Điều 14 dự thảo Nghị quyết.

Về điều kiện tổ chức bộ máy: cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố là đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo dự thảo Nghị quyết, thực hiện xét duyệt, thẩm định kinh phí và tổ chức quản lý nhiệm vụ; Sở Tài chính bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện chính sách; các sở, ban, ngành có liên quan phối hợp triển khai, kiểm tra, đánh giá, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp thụ hưởng chính sách.

2. Dự kiến nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện nội dung hỗ trợ được phân bổ từ nguồn ngân sách Thành phố chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cấp về Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố để thực hiện hoạt động, nội dung chi hỗ trợ theo Nghị quyết này.

Trên cơ sở rà soát hiện trạng và dự báo nhu cầu giai đoạn 2027 - 2030 (04 năm, do Nghị quyết dự kiến có hiệu lực từ năm 2027), cơ quan soạn thảo sử dụng kịch bản tham chiếu khoảng 314 tỷ đồng cho toàn bộ Nghị quyết để đánh giá khả năng cân đối nguồn lực, gồm khoảng 169 tỷ đồng cho nhóm hỗ trợ hạ tầng (15 dự án) và tối đa lý thuyết 145 tỷ đồng cho 01 Trung tâm trong trường hợp Trung tâm thuộc nhóm được áp dụng 100% mức hỗ trợ và được phê duyệt đầy đủ 06 nội dung ở mức tối đa. Bình quân mỗi năm cần bố trí khoảng 78,5 tỷ đồng/năm (trong đó:

hạ tầng khoảng 42,25 tỷ đồng/năm; Trung tâm khoảng 36,25 tỷ đồng/năm nếu áp dụng mức 100%). Khi áp dụng mức 70% hoặc 50%, hoặc khi chỉ phê duyệt một số nội dung theo nhu cầu thực tế, nhu cầu ngân sách sẽ thấp hơn. Vì vậy, 145 tỷ đồng và 169 tỷ đồng chỉ là kịch bản tham chiếu, không phải mức ngân sách phải bố trí đủ hoặc phân bổ cố định. Dự báo nhu cầu kinh phí 78,5 tỷ/năm (trong đó: 15 dự án hạ tầng: 42,25 tỷ/năm; 01 Trung tâm (mức 100%): 36,25 tỷ/năm).

Khả năng bảo đảm ngân sách được kiểm soát qua các lớp: (i) chỉ Trung tâm đã được công nhận theo quy định của pháp luật mới thuộc đối tượng hỗ trợ; (ii) mức trần của từng nội dung được điều chỉnh theo nhóm 100%, 70% hoặc 50% tùy mục tiêu phát triển; (iii) mức hỗ trợ cụ thể căn cứ hồ sơ thuyết minh, dự toán, sản phẩm và kết quả đầu ra được phê duyệt, không mặc nhiên bằng mức tối đa; (iv) kinh phí được bố trí theo dự toán hằng năm; (v) trường hợp kết quả nhiệm vụ không đạt, thực hiện xử lý kinh phí và hạ tầng, trang thiết bị theo hợp đồng và quy định pháp luật. Cơ chế này vừa tạo dư địa hỗ trợ cho Trung tâm có nhu cầu phát triển lớn, vừa bảo đảm kiểm soát quy mô chi và trách nhiệm sử dụng ngân sách.

3. Thời gian trình ban hành

Dự kiến hồ sơ trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua Nghị quyết Quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đồng Nai vào Kỳ họp thường lệ Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai cuối năm 2026.

Sở Khoa học và Công nghệ kính trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo:

- 1. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố;*
- 2. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;*
- 3. Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định;*
- 4. Bản so sánh thuyết minh;*
- 5. Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính;*
- 6. Báo cáo tác động của chính sách.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND TP (để báo cáo);
- Ban KTNS, HĐND thành phố;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tư pháp;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, CDS, ĐMST.

GIÁM ĐỐC

